

SÓNG_XUÂN QUỲNH

Giáo viên: Hoàng Nhung- 5star.edu.vn



Video Bài Giảng và Lời Giải chi tiết chỉ có tại website: online.5star.edu.vn

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Về tác giả

a. Vị trí, vai trò:

- + Là một trong những nhà tiêu biểu cho thế hệ những nhà thơ trẻ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước
- + Là nhà thơ nữ viết về tình yêu hay nhất sau Cách mạng tháng Tám nói riêng, thơ ca Việt Nam nói chung

b. Cuộc đời, con người

- Mất mẹ sớm, ở với bà từ nhỏ (La Khê- Hà Đông)
- Hai lần kết hôn với hai người chồng đều là nghệ sĩ:
 - + Nghệ sĩ Lưu Tuấn (nghệ sĩ violon)
 - + Thi sĩ, nhà soạn kịch Lưu Quang Vũ
- Mắc bệnh tim, chết trong một tai nạn thương tâm cùng chồng Lưu Quang Vũ và con trai Lưu Khánh Thơ.
 - ⇒ Cuộc đời nhiều vất vả, trắc trở
- Con người Xuân Quỳnh:
 - + Là người phụ nữ có cá tính, dám yêu, dám đi tìm hạnh phúc thực sự.
 - + Là người phụ nữ biết chăm lo, vun vén, nhẫn nại và chu đáo, giàu đức hi sinh, lòng vị tha.
 - + Là người mẫn cảm, tinh tế, trái tim đa cảm, giàu trực cảm
 - ⇒ Những trắc trở, vất vả trong cuộc đời và những đặc điểm về con người đã để lại nhiều dấu ấn trong sáng tác văn chương của Xuân Quỳnh.

c. Phong cách:

- Hồn nhiên tươi tắn, chân thành đằm thắm
- Luôn da diết trong khát vọng về hạnh phúc bình dị, đời thường
- Khát vọng sống, khát vọng yêu mãnh liệt luôn đi liền với cảm thức lo âu, sự băn khoăn, trăn trở về những biến suy, phai nhạt, bất trắc, đổ vỡ.
 - ⇒ Dù viết về tình yêu lứa đôi; thế giới trẻ thơ hay những quan hệ nhân sinh muôn vẻ, thơ Xuân Quỳnh vẫn luôn nổi bật về nữ tính.

2. Về tác phẩm

- Xuất xứ: Bài thơ được in trong tập “Hoa dọc chiến hào” (1968)
- Hoàn cảnh sáng tác: Là kết quả của chuyến đi thực tế đến biển Diêm Điền- Thái Bình năm 1967.
- Bố cục: 3 phần

- + Phần 1: Hai khổ đầu- Cảm nhận về sóng biển và tình yêu
- + Phần 2: Bốn khổ giữa- Suy tư về nguồn gốc của tình yêu, lòng thủy chung, nỗi nhớ
- + Phần 3: Ba khổ cuối- Mượn quy luật của tự nhiên để nói lên quy luật của tình yêu

II. ĐỌC- HIỂU BÀI THƠ

1. Cảm nhận về sóng biển và tình yêu

a. Khổ 1

“Dữ dội và dịu êm
Ồn ào và lặng lẽ
Sóng không hiểu nổi mình
Sóng tìm ra tận bể”

- Hai câu thơ đầu vừa là những hình ảnh tả thực vừa là những hình ảnh biểu trưng:
- + Các tính từ đối lập, tương phản:
 - Dữ dội >< dịu êm
 - Ồn ào >< lặng lẽ
- ⇒ Tả thực trạng thái của sóng biển: lúc dịu êm khoan thai, lúc dồn dập, dữ dội
- ⇒ Biểu trưng cho: Trạng thái tâm lý của người con gái trẻ lúc đang yêu: lúc dạt dào, sôi nổi; lúc da diết, lắng sâu; lúc hờn giận vô cớ...nhiều cung bậc cảm xúc.
- ⇒ “Sóng” biển giống như “em”, đồng điệu bởi đều luôn xao động, đều không đứng yên một trạng thái
- + Điệp cấu trúc câu và kết từ “và”: thể hiện tính độc lập của các trạng thái cùng mối quan hệ giữa các trạng thái.
 - ✓ Sóng biển: Trạng thái của sóng luôn xao động.
 - ✓ Sóng lòng: Người con gái lúc đang yêu luôn có những cảm xúc phong phú.
 - ⇒ Các đặc điểm trái ngược mà thống nhất của sóng theo không gian: bề mặt dữ dội, bề sâu dịu êm và ngược lại giống như sự mâu thuẫn, đồng hành, khó chiều, cảm xúc thất thường của người con gái lúc đang yêu.
 - ⇒ Xuân Quỳnh tả thực quy luật của sóng nước, sóng biển cũng là quy luật tâm lý của người con gái lúc đang yêu.
 - ⇒ Cách mở đầu bài thơ bằng nhận xét mô tả trực tiếp những đặc tính của thiên nhiên- những phẩm chất và quy luật của con người khiến người đọc ngỡ ngàng, ngạc nhiên và thú vị.
- Hai câu thơ sau là quan niệm về tình yêu rất mới mẻ, táo bạo
- + Không gian đối lập:
 - ✓ “sông”: bé nhỏ, chật hẹp, tù túng
 - ✓ “bể” (biển): rộng lớn, bao la, khoáng đạt
- + Mình: Thế đại từ, “mình” ở đây là sóng.
 - ⇒ Hai không gian đối lập, biểu trưng cho hai điểm tựa, hai bến bờ (hai người đàn ông). Một nơi tầm thường, chật hẹp, tù túng và “không hiểu mình”(nhỏ nhen). Một nơi rộng lớn, khoáng đạt, cao rộng (bao dung)

+ Động từ “tìm ra”: trạng thái chủ động, mãnh liệt, không nhẫn nhục, cam chịu mà chủ động tìm kiếm hạnh phúc

- ⇒ Vượt lên những quy nghĩ và quan niệm về tình yêu nhỏ bé, tầm thường, quanh quẩn, “sóng” đã tự mình tìm ra biển rộng, hòa nhập cùng sóng biển, sóng đại dương để hiểu hết chính bản thân mình
- ⇒ Quan niệm tình yêu mới mẻ, táo bạo: Người phụ nữ chủ động tìm kiếm hạnh phúc thực sự cho mình, chủ động tìm kiếm người đàn ông, bền đỗ thực sự hiểu mình.

b. Khổ 2

“Ôi con sóng ngày xưa
Và ngày sau vẫn thế
Nỗi khát vọng tình yêu
Bồi hồi trong ngực trẻ”

- Trạng từ chỉ thời gian:
 - + “ngày xưa”: thời gian quá khứ
 - + “ngày sau”: thời gian tương lai
 - ⇒ Tả thực: Con sóng muôn thuở vẫn vỗ vào bờ, vẫn xao động với nhiều trạng thái
 - ⇒ Biểu trưng: Tình yêu muôn đời vẫn vậy, dù thời gian quá khứ hay tương lai, khát vọng tình yêu cũng vẫn trường tồn và bất diệt
- Câu thơ “Nỗi khát vọng tình yêu/ Bồi hồi trong ngực trẻ” gợi liên tưởng:
 - + sóng: nhịp vỗ
 - + ngực trẻ: nhịp tim
- Tính từ “bồi hồi”: trạng thái luôn thường trực, luôn đong đầy
 - ⇒ Khẳng định khát vọng tình yêu là khát vọng muôn đời của con người, của nhân loại.
 - ⇒ Nhận xét khái quát nhưng mang đầy trực cảm, tình cảm chân thành và hồn nhiên mà đúng đắn, khái quát. Đây chính là quy luật vận động muôn đời, vĩnh hằng của tình yêu

2. Suy tư về nguồn gốc của tình yêu; nỗi nhớ; lòng chung thủy

a. Suy tư về nguồn gốc của tình yêu

“Trước muôn trùng sóng bể
Em nghĩ về anh, em
Em nghĩ về biển lớn
Từ nơi nào sóng lên?”

Sóng bắt đầu từ gió
Gió bắt đầu từ đâu?
Em cũng không biết nữa
Khi nào ta yêu nhau”

- Đến khổ thơ thứ 3, “em” trực tiếp xuất hiện, trực tiếp thể hiện cảm xúc, sự băn khoăn, trăn trở.

- Không gian “muôn trùng sóng bể”: rộng lớn, mênh mông gợi liên tưởng đến trùng điệp, chất chông khó khăn, xa cách (Có thể liên hệ bài Qua đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan)
- Điệp cấu trúc “Em nghĩ về”, “Em nghĩ về”: Sự suy tư, trăn trở của “em” muốn rút ráo kiếm tìm đáp án cho những băn khoăn của mình. Sự băn khoăn luôn thường trực.
- Câu hỏi tu từ “Từ nơi nào sóng lên?” : Sự băn khoăn của “em” về nguồn gốc của sóng, có được ngay câu trả lời “Sóng bắt đầu từ gió”
- Câu hỏi tu từ “Gió bắt đầu từ đâu?": Sự băn khoăn của “em” về nguồn gốc của gió, không có được câu trả lời.
- Câu hỏi tu từ “Khi nào ta yêu nhau”: Sự băn khoăn của “em” về nguồn gốc của tình yêu, về thời điểm bắt đầu tình yêu, không có được câu trả lời.
- Đảo ngữ “Em cũng không biết nữa/ Khi nào ta yêu nhau” ⇔ “Khi nào ta yêu nhau/ Em cũng không biết nữa”: Đáp trước hỏi sau, sự băn khoăn lên đến cao độ, dù đã biết trước câu trả lời nhưng vẫn muốn “cố tìm để hiểu”.
 - ⇒ Hai câu hỏi tu từ về các hiện tượng tự nhiên, “em” có được cho mình câu trả lời của một câu hỏi. Còn câu hỏi về nguồn gốc của tình yêu thì không có đáp án.
 - ⇒ Khát vọng muốn truy tìm đến cùng tận về nguồn gốc của tình yêu là khát vọng muôn đời của con người.
Xuân Diệu đã viết:

“Làm sao cắt nghĩa được tình yêu
Có khó gì đâu một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây nhè nhẹ gió hiu hiu”

- ⇒ Xuân Quỳnh cũng muốn “cắt nghĩa”, muốn lý giải về tình yêu nhưng cũng không tìm được câu trả lời
- “Em cũng không biết nữa”: là lời thú nhận thành thực, hồn nhiên đầy nữ tính, giống như cái lắc đầu không biết thật có duyên của người phụ nữ hồn nhiên, chân thành.
- Cách cắt nghĩa tình yêu rất hồn nhiên, chân thành , nữ tính và trực cảm .

b. Suy tư về nỗi nhớ trong tình yêu

“Con sóng dưới lòng sâu
Con sóng trên mặt nước
Ôi con sóng nhớ bờ
Ngày đêm không ngủ được
Lòng em nhớ đến anh
Cả trong mơ còn thức”

- Nỗi nhớ trong tình yêu là cảm xúc tự nhiên của con người, đã được miêu tả rất nhiều trong thơ ca xưa cũng như nay:
“Nhớ ai bồi hồi bồi hồi
Như đứng đống lửa, như ngồi đống than (Ca dao)
“Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời”
(Chinh phụ ngâm)
“Anh nhớ tiếng, anh nhớ hình, anh nhớ ảnh. Anh nhớ em, anh nhớ lắm. Em ơi!” (Xuân Diệu)

-Đôi lập “dưới lòng sâu”>< “trên mặt nước” : xác lập không gian tồn tại nổi nhớ bao trùm tất cả mọi nơi.

- Thán từ “Ồi”: Bộc lộ cảm xúc trực tiếp

- Điệp cấu trúc “sóng nhớ bờ” , “em nhớ anh”: So sánh tinh tế, hai hình tượng đan kết vào nhau, tách rời mà lại thống nhất.

- Trạng từ chỉ thời gian “ngày đêm”: xác lập thời gian tồn tại nổi nhớ kéo dài cả ngày lẫn đêm.

=> Nổi nhớ :

+ Bao trùm cả không gian : “... dưới lòng sâu.... ..trên mặt nước”

+ Thao thức trong mọi thời gian : “ngày đêm không ngủ được.”

- Cách diễn tả phi logic “Cả trong mơ còn thức”:

+ Nổi nhớ thao thức cả trong mơ, dạt dào, da diết, cuồn cuộn như những đợt sóng vô hồi vô hạn, thường trực, cồn cào.

+ Nổi nhớ từ tâm hồn đến tiềm thức, vô thức

+ Trong bài thơ “Tự hát”, Xuân Quỳnh cũng từng sử dụng cách diễn đạt phi logic này:

“ Em trở về đúng nghĩa trái tim em

Là máu thịt đời thường ai chẳng có

Cũng ngừng đập khi cuộc đời không còn nữa

Nhưng biết yêu anh cả khi chết đi rồi”

+ Những điều vô lý lại trở nên có lý bởi trái tim yêu nồng nhiệt, đắm say bởi nổi nhớ cồn cào, mãnh liệt.

+ Cách nói cường điệu nhưng hợp lý nhằm tô đậm nổi nhớ mãnh liệt trong lòng nhà thơ.

- Khổ thơ duy nhất trong bài gồm 6 câu thơ: phá vỡ cấu trúc thể loại, thể hiện cảm xúc mãnh liệt, khổ thơ 4 câu không bao chứa hết cảm xúc về nổi nhớ mãnh liệt, da diết.

c. Suy tư về sự thủy chung trong tình yêu

“Đầu xuôi về phương Bắc

Đầu ngược về phương Nam

Nơi nào em cũng nghĩ

Hướng về anh một phương”

- Đối lập “xuôi”>< “ngược”: sự trắc trở, sự khó khăn, chia cắt, những ngang trái của cuộc đời vạn biến, thăng trầm
- “phương Bắc”><”phương Nam”: sự chia cắt, chia lìa, ngăn cách
- Cách nói ngược “xuôi Bắc” , “ngược Nam”: cách nói phi lý càng làm tăng thêm sự chia cắt, ngăn trở
- Số từ “một”: sự duy nhất, tuyệt đối
- + Hướng về duy nhất một phương: phương anh
- + Thể hiện tình cảm thủy chung như nhất
- ⇒ Cuộc đời xuôi bắc, ngược nam vạn biến và nhiều thăng trầm, duy chỉ có sự chung thủy như nhất trong tình yêu.
- ⇒ Cái bất biến trong cái vạn biến chỉ có thể có được bởi sự chung thủy của tình yêu đích thực.
- ⇒ Người phụ nữ của Xuân Quỳnh ạnh mẽ và chủ động trong tình yêu, dám bày tỏ tình yêu của mình, nổi nhớ, khát khao của lòng mình, nhưng vẫn giữ vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ : thủy chung rất mực trong tình yêu.

3. Mượn quy luật của thiên nhiên để nói lên quy luật của tình yêu.

“Ở ngoài kia đại dương
Trăm ngàn con sóng đó
Con nào chẳng tới bờ
Dù muôn vời cách trở”

- ⇒ Giữa đại dương mênh mông, con sóng nào cũng vỗ vào bờ giống như tình yêu muôn vời cách trở cuối cùng cũng sẽ cập bến bờ hạnh phúc
- ⇒ Niềm tin mãnh liệt vào tình yêu và cái đích của tình yêu đích thực
- ⇒ Lòng thủy chung là sức mạnh vượt qua mọi trở ngại để tình yêu đến bến bờ hạnh phúc.
- ⇒ Lời khẳng định cho một cái tôi của một con người luôn vững tin ở tình yêu .

“ Cuộc đời tuy dài thế
Năm tháng vẫn đi qua
Như biển kia dẫu rộng
Mây vẫn bay về xa”

- “Cuộc đời”: chỉ quỹ thời gian ngắn ngủi của mỗi kiếp người
 - “năm tháng” : hoán dụ cho dòng thời gian vô thủy vô chung
 - “biển” : không gian mênh mông nhưng vẫn chỉ là hữu hạn
 - “mây trời”: hình ảnh biểu trưng cho sự trôi chảy, bất định
- ⇒ Từ những suy nghĩ về tình yêu, nhà thơ mở rộng hơn, nghĩ về mối quan hệ giữa cái hữu hạn của đời người và cái vô hạn của thiên nhiên vũ trụ. Cảm giác về sự hữu hạn thường khiến con người buồn bã, bất lực.
- ⇒ Dự cảm lo âu về những phai nhạt, đổ vỡ, chia lìa.
- ⇒ Nhà thơ nhạy cảm với thời gian, ý thức về thời gian gắn liền với những lo âu.(tác giả đã thấy cái ngắn ngủi của cuộc đời và tình yêu của mỗi con người nếu so với thiên nhiên và thời gian trôi chảy không ngừng, vô tận).
- + Sự nhạy cảm và lo âu của XQ về cuộc đời trước sự trôi chảy của thời gian .
 - + Nhịp thơ chùng lại, thấm đẫm suy tư .
- ⇒ Liên hệ: Xuân Diệu
- +Đã từng giục già:
“ Mau với chứ, vội vàng lên mấy chứ
Em, em ơi, tình non sắp già rồi”
- + Và khi không thể “tắt nắng” hay “buộc gió” để níu kéo những năm tháng, để gìn giữ hương sắc cuộc đời, để nói dài hơn quỹ thời gian cho tình yêu và hạnh phúc, Xuân Diệu đã tìm đến một giải pháp mãnh liệt, đó là vội vàng tận hưởng cuộc đời một cách say xưa, ham hố khi còn có thể, từ “ôm cả sự sống” đến “riết”, “thâu”, “say”, “cắn” và “hôn”.
- + Còn Xuân Quỳnh, những trải nghiệm cay đắng khiến Xuân Quỳnh sớm nhận ra sự hữu hạn của cuộc đời, của lòng người, nhưng khác với Xuân Diệu- luôn khát khao chiếm lĩnh và tận hưởng thì Xuân Quỳnh lại có một mong ước đầy nữ tính:

“ Làm sao được tan ra
Thành trăm con sóng nhỏ
Giữa biển lớn tình yêu
Để ngàn năm còn vỗ”

- Câu thơ “Làm sao được tan ra”: mang cấu trúc nghi vấn- câu khiến chi thấy cả nỗi trăn trở và niềm mong ước của người phụ nữ thật da diết và thành thực.
- Động từ “tan”: Sự hi sinh, sự dâng hiến, mong ước hóa thân
- Số từ “trăm”: ước muốn tan hòa thành rất nhiều con sóng nhỏ
- Không gian “biển lớn”: không gian rộng, mệnh mệnh cùng sự vĩnh hằng của thời gian “ngàn năm”: tình yêu tan hòa vào cái vô biên của trời đất, vũ trụ.
 - ⇒ Khát vọng hóa thân , dâng hiến và bắt tử tình yêu chính là khao khát cháy bỏng nhất , táo bạo nhất nhưng cũng chân thành nhất, vị tha nhất.
 - ⇒ Lo âu không dẫn đến thất vọng. Trái lại, càng sống hết mình, mãnh liệt hơn. Vượt lên tất cả là sự hiến dâng. Đó là khao khát dâng hiến, đồng thời cũng là ước muốn vĩnh viễn hoá tình yêu để sống mãi với thời gian.
 - ⇒ Khi sống hết mình, khi yêu hết mình, để tình yêu lớn lao tới mức tan hòa được vào cái vô biên của trời đất thì lúc ấy tình yêu cũng sẽ được nhập vào dòng thời gian của vũ trụ, cũng trường tồn cùng đất trời, vũ trụ. Con người làm được điều kì diệu, chiến thắng được cái hữu hạn của cả thời gian và không gian, sẽ bắt tử hóa tình yêu ngay trong cái ngắn ngủi, thoáng chốc của cuộc đời nếu họ dâng hiến và hi sinh trọn vẹn cho tình yêu. Đó cũng là tâm nguyện cao đẹp thường xuất hiện trong thơ Xuân Quỳnh.

MỞ RỘNG:

- Xuân Quỳnh viết bài thơ này năm 1967, khi tình yêu của chị với nghệ sĩ Lưu Tuấn chưa đổ vỡ nhưng có lẽ cũng nhiều trắc ẩn. Vì thế mà ta thấy sau này (1973), trong tình yêu với nhà viết kịch Lưu Quang Vũ, ta như thấy chị đã tìm được cho mình một tình yêu như chị hằng khao khát và mơ ước, nên chị đã sẵn sàng chấp nhận mọi sự hy sinh để vun đắp cho sự nghiệp của chồng, chị viết:

“Anh thân yêu, người vĩ đại của em
Anh là mặt trời em chỉ là hạt muối
Một chút mặn giữa đại dương vời vợi.”

- Nếu so sánh với Biển của Xuân Diệu.(t/y của Xuân Quỳnh trong bài thơ này khác so với t/y của Xuân Diệu trong bài thơ Biển)

Anh xin làm biển biếc
Hôn mãi cát vàng em
Hôn thật khẽ thật êm
Hôn êm đềm mãi mãi...

Đã hôn rồi hôn lại
Cho đến mãi muôn đời
Đến tan cả đất trời
Anh mới thôi dào dạt ...

III. TỔNG KẾT

1. Nghệ thuật

- Thể thơ 5 chữ với những dòng thơ thường không ngắt nhịp, có khổ thơ phá cách, “lách luật”: tạo nên âm hưởng nhịp nhàng, vừa mô phỏng được nhịp điệu dào dạt của sóng, vừa diễn tả được những trạng thái tinh tế của tình yêu.
- Cách phối thanh B- T nhịp nhàng, đặc biệt ở cuối mỗi câu thơ, khổ thơ với những từ ngữ trùng điệp, lặp từ ngữ, lặp cấu trúc, những cặp từ sóng đôi hô ứng nối tiếp nhau: tạo âm hưởng dào dạt, nhịp nhàng như những con sóng miên man, bất tận, vô hạn vô hồi, lúc ào ạt trào dâng, lúc dịu êm trầm lắng.

- Hình tượng “sóng” có sự gợi cảm phong phú bất ngờ trong sự đối sánh với nhân vật trữ tình “em” -> Khát vọng tình yêu của nhà thơ.

2. Nội dung

Thông qua hình tượng sóng, bài thơ đã thể hiện vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ trong tình yêu: vừa hiện đại vì sự bộc lộ thành thực, táo bạo, mạnh mẽ những khao khát đam mê; vừa giữ được những nét truyền thống tốt đẹp trong sự dịu dàng, đằm thắm, đức hi sinh và sự gắn bó thủy chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phan Trọng Luận, Trần Đăng Suyền, Bùi Minh Toán, Lê A (Chủ biên), SGK Ngữ văn 12, tập 1, NXB Giáo Dục, 2008.
2. TS. Trịnh Thu Tuyết, *Tài liệu ôn thi THPT Quốc gia môn Ngữ văn từ năm 2015*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015.
3. Nguyễn Văn Đường (Chủ biên), Thiết kế bài giảng Ngữ văn 12, tập 1, NXB Hà Nội, 2012.
4. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Ôn tập môn Ngữ văn chuẩn bị cho kỳ thi THPT Quốc gia, tập 1, NXB GD Việt Nam, 2015.
5. Nguyễn Duy Kha (Chủ biên), Bộ đề môn Ngữ văn chuẩn bị cho kỳ thi THPT Quốc gia, NXB GD Việt Nam, 2016
6. Phan Trọng Luận, Trần Đăng Suyền, Bùi Minh Toán, Lê A (Đồng chủ biên), SGK Ngữ văn 12, tập 1, NXB GD Việt Nam, 2008.

Hữu trí tất thành, toàn tâm tất đạt